

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 20-03-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Hải;

Ông Phan Tấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN D** - Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1973 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi thường trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Số CCCD: 051073010028; cấp ngày 09 tháng 5 năm 2021; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn G (đã chết) và con bà: Phạm Thị H (Sinh năm 1934); Vợ: Phạm Thị L (sinh năm 1974); Con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1988 và nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/8/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Xuân P- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

* *Bị hại:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Luật sư Trần Thị H1- Văn phòng L2 và Cộng sự, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số A P, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt).

- Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt).

* *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn T- Công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B (phiên dịch tiếng Hre) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 03/4/2024, sau khi uống rượu tại nhà ông Phạm Văn M, ở thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi xong, thì Phạm Văn D đi về lại nhà của mình. Khi về đến nhà Phạm Văn D lại tiếp tục tổ chức uống rượu cùng với ông Phạm Văn D1, bà Phạm Thị N1, ông Phạm Văn D2 và bà Phạm Thị L (là vợ của bị can D) đều ở thôn N, xã B, huyện B. Đến khoảng 19 giờ 00 thì uống rượu xong, mọi người đi về, bà Phạm Thị L đi ngủ; thì lúc này Phạm Văn D nhớ lại chuyện cũ bị ông Phạm Văn N thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ Phạm Văn D có quan hệ tình cảm nam, nữ bất chính với vợ của ông N là bà Phạm Thị Ê và hay nói với người khác, nên D đi bộ xuống nhà ông Phạm Văn N (cách nhà Phạm Văn D khoảng 50m) để nói chuyện, khi đi Phạm Văn D cầm theo 01 (một) đoạn tuýp kim loại hình tròn, màu bạc, rỗng bên trong, dài 81cm, đường kính 2,1cm, để nhằm mục đích phòng vệ. Khi đi đến cổng nhà ông Phạm Văn N, Phạm Văn D để đoạn tuýp kim loại ngay ngoài bờ rào, trước cổng nhà ông Phạm Văn N rồi đi vào trong sân nhà gọi ông N từ trong nhà ra ngoài sân để nói chuyện, thì ông N đi ra nói “không nói chuyện gì hết, không cần họp giải quyết, cứ để vậy đi, hai chúng mày quan hệ nam, nữ từ lâu rồi, tôi không tha thứ, không chịu được nữa”; Phạm Văn D nói “Tôi chưa từng có

quan hệ bất chính gì với bà Phạm Thị Ê sao cứ nói tôi quan hệ nam, nữ với bà Phạm Thị Ê”; sau đó, ông N lấy 01 (một) khúc gỗ tròn, có vỏ màu đen, cong gấp khúc tự nhiên, dài 74cm, đường kính lớn nhất 3,7cm, đường kính nhỏ nhất 1,5cm xếp chất trên hè nhà cầm trên tay; thấy vậy, Phạm Văn D chạy đến lấy đoạn tuýp kim loại để ngoài cổng trước đó rồi quay lại chỗ ông N. Liên lúc này, Phạm Văn D cầm đoạn tuýp kim loại, ông N cầm khúc cây gỗ tròn đi vào đánh nhau loạn xạ, ông N dùng tay phải cầm đầu nhỏ của khúc cây củi đánh nhiều lần vào đầu, thân người Phạm Văn D, theo hướng từ trên xuống, trúng vào vùng đầu Phạm Văn D gây ra vết thương chảy máu; còn Phạm Văn D dùng tay phải cầm đoạn tuýp kim loại quơ loạn xạ nhiều lần vào đầu, thân người ông N, theo hướng từ trên xuống, từ phải qua trái trúng vào vùng đầu của ông N gây ra vết thương chảy máu. Tiếp đó, Phạm Văn D và ông N ôm vật nhau ngã xuống đất, lúc này ông N đè lên trên người Phạm Văn D và dùng cây gỗ đánh Phạm Văn D nhưng không trúng do Phạm Văn D đỡ được, rồi Phạm Văn D dùng một đầu của đoạn tuýp kim loại chọt 02 (hai) phát trúng vào vùng đầu của ông N và vùng dây thoát ra được và giật lấy khúc gỗ từ tay ông N rồi cả hai không đánh nhau nữa. Lúc này mọi người đến can ngăn, sau đó, ông Phạm Văn L1 trình báo sự việc trên cho Công an xã B đến làm việc và thu giữ vật chứng, rồi cùng với người dân đưa Phạm Văn D và Phạm Văn N đến Trung tâm y tế huyện B để cấp cứu và điều trị vết thương.

Kết luận giám định số: 1118/KL-KTHS ngày 05/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn N như sau:

- + Sẹo vùng giữa đỉnh: 02% (Mục I.2, C);
- + Sẹo vùng trán – đỉnh trái: 03% (Mục I.1 và Nguyên tắc 2, Chương 8);
- + Sẹo vùng trán trái: 03% (Mục I.1 và Nguyên tắc 2, Chương 8);
- + Sẹo vùng đỉnh phải: 02% (Mục I.2, C);
- + Sẹo vùng đỉnh trái: 03% (Mục I.3, C 8);

Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn N tại thời điểm giám định là: 12% (*Mười hai phần trăm*). Các tổn thương của ông Phạm Văn N do vật tày gây nên.

Kết luận giám định số: 1119/KL-KTHS ngày 05/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn D như sau:

+ 02 sẹo vùng trán phải, mỗi sẹo: 03% (Mục I.1 và Nguyên tắc 2, Chương 8);

Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn D tại thời điểm giám định là: 6% (*Sáu phần trăm*). Các tổn thương của ông Phạm Văn D do vật tày gây nên.

Kết luận giám định số: 1127/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Trên đoạn tuýp kim loại và trên đoạn gỗ tròn gửi giám định có máu của Phạm Văn D và Phạm Văn N.

Vật chứng thu giữ vật chứng: 01 (một) đoạn tuýp kim loại hình tròn, màu bạc, rỗng bên trong, dài 81cm, đường kính 2,1cm, mặt ngoài ống tiếp có bám dính chất màu nâu đỏ; 01 (một) khúc gỗ tròn, có vỏ màu đen, cong gấp khúc tự nhiên, dài 74cm, đường kính lớn nhất 3,7cm, đường kính nhỏ nhất 1,5cm, mặt ngoài khúc gỗ có bám dính chất màu nâu đỏ.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra giữa Phạm Văn D và ông Phạm Văn N cũng đã thỏa thuận xong về trách nhiệm bồi thường dân sự và đã bồi thường cho ông Phạm Văn N 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để lo tiền thuốc men và tiền xe đi cấp cứu. Người bị hại ông Phạm Văn N không yêu cầu đền bù gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSBT-HS ngày 09/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 02 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm đ khoản 02 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy tất cả các vật chứng đã thu giữ trong vụ án.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 16 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Ý kiến của người bảo vệ cho bị hại: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Về dân sự các bên đã thỏa thuận xong nên đề nghị miễn xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án thấy đủ cơ sở chứng minh: khoảng 19 giờ 00, ngày 03/4/2024, Phạm Văn D là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi sử dụng đoạn tuýp bằng kim loại hình tròn là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Phạm Văn N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là **12%**, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự hiện hành. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư truy tố bị cáo như cáo trạng là có cơ sở, phù hợp với pháp luật.

[3] Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Phạm Văn D là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp gây thiệt hại về sức khỏe cho người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần phải lên một mức án nghiêm để giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Ngoài hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự nêu trên thì bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu, người bị hại ông Phạm Văn N có một phần lỗi và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hơn nữa gia đình Phạm Văn D có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi sống gia đình và có mẹ ruột bà Phạm Thị H là người có công với cách mạng và được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) đoạn tuýp kim loại hình tròn, màu bạc, rỗng bên trong, dài 81 cm, đường kính 2,1cm; 01 (một) khúc gỗ tròn, có vỏ màu đen, cong gập khúc tự nhiên, dài 74cm, đường kính lớn nhất 3,7cm, đường kính nhỏ nhất 1,5cm. Xét thấy các vật chứng trên liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với hành vi của Phạm Văn N sử dụng hung khí nguy hiểm là 01 (một) khúc gỗ tròn đánh nhau với bị cáo Phạm Văn D gây ra thương tích cho ông Phạm Văn D với tỷ lệ thương tích là **6%**, gồm có 02 sẹo vùng trán phải. Tuy nhiên, đối với hành vi nêu trên của ông N, bị cáo Phạm Văn D đã có đơn không yêu cầu xử lý về mặt hình sự đối với ông Phạm Văn N, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xử lý về mặt hình sự đối với ông N là có cơ sở.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 20/03/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B. huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 (một) đoạn tuýp kim loại hình tròn, màu bạc, rỗng bên trong, dài 81 cm, đường kính 2,1cm; 01 (một) khúc gỗ tròn, có vỏ màu đen, cong gấp khúc tự nhiên, dài 74cm, đường kính lớn nhất 3,7cm, đường kính nhỏ nhất 1,5cm.

(Tất cả các vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ ngày 20/12/2024)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/03/2025). Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an tỉnh Q;
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Ngoan